

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHOA CHÍNH TRỊ VÀ LUẬT BỘ MÔN DÂN SỰ -----	ĐÁP ÁN CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 24-25 Môn: Luật dân sự 2 Mã môn học: CIVI332039 Đề số/Mã đề: 02 Đề thi có 01 trang. Thời gian: 75 phút. Được phép sử dụng tài liệu.
--	---

Câu 1: (3 điểm) Nhận định sau đây đúng hay sai, giải thích.

- a. Sai, khoản 3 Điều 296 Bộ luật dân sự 2015. **(01 điểm)**
- b. Sai, khoản 1 Điều 319 Bộ luật dân sự 2015. **(01 điểm)**
- c. Sai, Điều 344 Điều 319 Bộ luật dân sự 2015. **(01 điểm)**

Câu 2: (3 điểm) Phân biệt các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự (Bảo lưu quyền sở hữu tài sản, Tín chấp, Bảo lãnh, Cầm giữ tài sản).

• **Giống nhau: (0.5 điểm)**

- Điều dựa trên sự thoả thuận của các bên;
- Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng chính;
- Ràng buộc các bên thực hiện nghĩa vụ đã xác lập.

• **Khác nhau:**

Tiêu chí	Bảo lưu quyền sở hữu tài sản (0.5 điểm)	Tín chấp (0.5 điểm)	Bảo lãnh (0.5 điểm)	Cầm giữ tài sản (0.5 điểm)
Khái niệm	Bên bán bảo lưu quyền sở hữu cho đến khi nghĩa vụ thanh toán được thực hiện đầy đủ thì mới chuyển giao cho bên mua.	Tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có thể bảo đảm bằng tín chấp cho cá nhân, hộ gia đình nghèo vay một khoản tiền tại tổ chức tín dụng của pháp luật.	Người thứ ba cam kết với bên có sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.	Bên có quyền đang nắm giữ hợp pháp tài sản là đối tượng của hợp đồng song vụ được chiếm giữ tài sản trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.
Chủ thể	Bên bán (bên bảo lưu quyền	Bên cho vay; Bên vay; Tổ	Bên bảo lãnh; Bên nhận bảo	Bên cầm giữ; Bên bị cầm giữ.

	sở hữu); Bên mua.	chức chính trị - xã hội cơ sở.	lãnh; Bên được bảo lãnh.	
Đối tượng	Tài sản của bên bán (quyền sở hữu tài sản).	Tiền.	Tài sản của bên bảo lãnh.	Tài sản chiếm giữ hợp pháp của bên có quyền.
Bản chất	Ghi nhận quyền sở hữu bên bán.	Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự thuộc trái quyền.	Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự thuộc trái quyền.	Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên vi phạm.
Hình thức		Phải lập thành văn bản.	Phải lập thành văn bản; Đối với trường hợp luật định phải công chứng chứng thực.	
Cơ sở pháp lý	Điều 331-334	Điều 344-345	Điều 335-343	Điều 346-350

Câu 3: (4 điểm)

a. Đây là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Điều 600 BLDS 2015 về Bồi thường thiệt hại do người làm công, người học nghề gây ra. (1 điểm) Vì:

- Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo Điều 584 và 600 BLDS 2015: (1 điểm)

+ Có thiệt hại xảy ra trên thực tế: xe của ông Q bị thay phụ tùng kém chất lượng hơn phụ tùng ban đầu của xe, làm giảm chất lượng sử dụng.

+ Hành vi trái pháp luật: hành vi tự ý thay đổi phụ tùng kém chất lượng của những người thợ sửa xe mà không có sự đồng ý của ông Q làm thiệt hại về tài sản của ông.

+ Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra trên thực tế: hành vi thay đổi phụ tùng kém chất lượng của thợ sửa xe làm giảm chất lượng sử dụng của xe của ông Q, xe của ông Q giảm chất lượng là hệ quả trực tiếp từ hành vi thay thế phụ tùng của B và C.

+ Có yếu tố lỗi: C, B có lỗi cố ý trong việc làm thiệt hại tài sản của ông Q.

- Người chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Q là ông A theo Điều 600 Bộ luật Dân sự về Bồi thường thiệt hại do người học nghề, người làm công gây ra. (1 điểm)

b. Ông A chỉ có quyền yêu cầu B và C phải liên đới hoàn lại một phần số tiền thiệt hại mà A đã trả cho Q chứ không được yêu cầu B và C phải trả toàn bộ thiệt hại cho Q theo Điều 600 BLDS 2015 (1 điểm).